

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HSST
Ngày 01 tháng 12 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh

Ông Lê Quý Hùng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Danh Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 01/12/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 36/2021/HSST ngày 15/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN THANH T - sinh ngày 12/6/2002 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Tổ 15 S, phường H, X phố T, tỉnh Khánh Hòa (sống cùng bà ngoại Nguyễn Thị X - sinh năm 1954); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; cha: không rõ, mẹ: Ngô Thị H - sinh năm 1974 (không rõ sống ở đâu); Vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt theo Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 11/7/2021, đang tạm giam (có mặt tại phiên tòa).

2. LÊ THANH TG - sinh năm: 1997 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Tổ 3 B, phường V, X phố T, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã P, X phố T, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; cha: Lê T - sinh năm 1963; mẹ: Trần Thị H - sinh năm 1966; Vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 03/7/2018 bị Tòa án nhân dân X phố T, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong ngày 27/02/2019. Bị cáo bị bắt theo Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 11/7/2021, đang tạm giam (có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:**

1. Ông Nguyễn X, sinh năm: 1971

Nơi cư trú: Thôn Th, xã P, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Kiều B, sinh năm: 1976

Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (xin xét xử vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1982.

Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (xin xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Bà Phan Thị K, sinh năm: 1985

Nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt tại phiên tòa).

*** Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn M, sinh năm: 1988;

Nơi cư trú: Tổ 13, xã L, huyện K, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1969;

Nơi cư trú: 229/54/27 Nguyễn Khuyến, phường V, X phố T, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 08/7/2021, T điều khiển xe mô tô hiệu Wave (không rõ biển số) của người bạn tên T mang theo bộ dụng cụ (đoản) phá khóa xe mô tô đến nhà Tg rủ Tg đi trộm cắp tài sản thì Tg đồng ý. Sau đó Tg điều khiển xe mô tô nêu trên chở T từ X phố T đi theo Quốc lộ IA vào huyện C xem ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, khi đi ngang qua nhà ông Nguyễn X thuộc thôn Th, xã P, huyện C, T và Tg phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius biển số 79N2-353.82 của ông X (do em họ ông X là bà Phan Thị K đứng tên chủ sở hữu) đang dựng trên lề trước nhà không có người trông coi nên Tg dừng xe cách khoảng 10m để T đi đến dùng đoản phá ổ khóa công tắc điện, khởi động máy và điều khiển xe mô tô biển số 79N2-353.82 cùng Tg chạy về cất giấu tại phòng trọ của T ở số 229/84/4 đường Nguyễn Khuyến, phường V, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa.

Chiều cùng ngày, Tg điều khiển xe mô tô 79N2-353.82 chở T đến địa phận huyện K trộm cắp được chiếc xe mô tô loại Sirius biển số 79D1-194.12 rồi về phòng trọ của T dùng cờ lê mở tráo biển số 2 xe vừa trộm cắp được với nhau. Sau đó Tg điều khiển xe mô tô trộm cắp tại K đem đi thế chấp được 1.400.000 đồng về chia mỗi người 700.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 7 giờ 00 ngày 11/7/2021, T tiếp tục rủ Tg đi trộm cắp tài sản, Tg đồng ý. Tg điều khiển xe mô tô gắn biển số 79D1-194.12 chở T từ thành phố T theo Quốc lộ IA vào huyện C xem ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Đến khoảng 9 giờ 20 phút cùng ngày, khi đi ngang qua nhà ông Hồ Nhâm T thuộc thôn Đ, xã T,

huyện C, cả hai phát hiện trước nhà ông T có dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX biển số 79Z1-216.70 của ông Kiều B (do vợ ông B là bà Nguyễn Thị T đứng tên chủ sở hữu), chìa khóa gắn sẵn trên xe và không có người trông coi, Tg dùng xe lại cách khoảng 05m để T đi bộ đến dắt xe mô tô biển số 79Z1-216.70 ra ngoài bật công tắc điện khởi động máy rồi điều khiển xe cùng Tg chạy về cất giấu tại phòng trọ của T.

Khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày, tổ công tác Công an phường V trong quá trình kiểm tra hành chính tại phòng trọ của T đã phát hiện T, Tg cùng 02 chiếc xe mô tô gắn biển số 79D1-194.12, 79Z1-216.70 không có giấy đăng ký xe. Qua làm việc, T và Tg khai nhận 02 chiếc xe mô tô trên là tài sản do trộm cắp mà có. Công an phường V đã đưa T, Tg cùng tang vật về trụ sở, sau đó bàn giao cho cơ quan Công an huyện C.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 19 ngày 12/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, số khung 3111EY109344, số máy JA31E0205116, màu vàng đen, biển số 79Z1-216.70 có giá trị là 6.600.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 21 ngày 20/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, số khung 3240HY092712, số máy E3X9E261213, màu xám đen, biển số 79N2-353.82 có giá trị là 7.350.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 13.950.000 đồng.

Tài sản trộm cắp là xe mô tô biển số 79N2-353.82 và xe mô tô biển số 79Z1-216.70 đã được trả lại cho bị hại. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường dân sự.

Đối với vụ trộm cắp tài sản xảy ra tại địa bàn huyện K, cơ quan điều tra Công an huyện C đã bàn giao biển số xe chiếc xe mô tô 79D1-194.12 và các tài liệu có liên quan cho cơ quan điều tra Công an huyện K giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave không rõ biển số Nguyễn Thanh T khai mượn của bạn tên T để đi trộm cắp tài sản, Nguyễn Thanh T đã trả lại cho bạn và không biết rõ địa chỉ, lai lịch của đối tượng tên T nên không có căn cứ xem xét xử lý.

Tại Bản Cáo trạng số 34/CT-VKSCL ngày 13/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Lê Thanh Tg về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Lê Thanh Tg đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh như bản cáo trạng đã nêu; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1

Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với 02 bị cáo; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 18 tháng đến 24 tháng tù; xử phạt bị cáo Lê Thanh Tg từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Các bị cáo không tranh luận, đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại xin được xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã tuân thủ và thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong hồ sơ và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Lê Thanh Tg đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 11 giờ ngày 08/7/2021, tại nhà ông Nguyễn X thuộc thôn Th, xã P, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, Nguyễn Thanh T và Lê Thanh Tg đã trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 79N2-353.82 của ông Nguyễn X có giá trị là 7.350.000 đồng.

Khoảng 9 giờ 20 phút ngày 11/7/2021, tại nhà ông Hồ Nhâm T thuộc thôn Đ, xã T, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, Nguyễn Thanh T và Lê Thanh Tg đã trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX biển số 79Z1-216.70 của ông Kiều B (do vợ ông Bình là bà Nguyễn Thị T đứng tên chủ sở hữu) có giá trị là 6.600.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Thanh T và Lê Thanh Tg đã chiếm đoạt là: 13.950.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Lê Thanh Tg đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình

sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó bản Cáo trạng số 34/CT-VKSCL ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố đối với bị cáo bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Lê Thanh Tg là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền quản lý, sở hữu tài sản của người khác, là khách thể quan trọng được luật hình bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc và hoang mang lo lắng trong cộng đồng dân cư.

Trong vụ án, bị cáo Nguyễn Thanh T là người xúi giục bị cáo Lê Thanh Tg phạm tội và cũng là người thực hành tích cực; bị cáo Lê Thanh Tg là người giúp sức, có nhân thân xấu; các bị cáo phạm tội nhiều lần thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, cần phải xử lý bị cáo nghiêm khắc, tương xứng với vai trò của các bị cáo để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã X khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Vì vậy, căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở X người công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại ông Nguyễn X, ông Kiều B và bà Nguyễn Thị T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị K vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong hồ sơ thể hiện đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Nguyễn Thanh T, bị cáo Lê Thanh Tg mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T **18** (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/7/2021 (theo Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 11/7/2021).

Xử phạt bị cáo Lê Thanh Tg **15** (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/7/2021 (theo Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 11/7/2021).

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại ông Nguyễn X, ông Kiều B và bà Nguyễn Thị T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị K vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong hồ sơ thể hiện đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Thanh Tg phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thanh T, bị cáo Lê Thanh Tg được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại ông Nguyễn X, ông Kiều B, bà Nguyễn Thị T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Nguyễn Thị Thu Hằng